

UBND XÃ AN SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI
QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2022
ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÓA XXII
PHÊ CHUẨN

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ AN SƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 344/CV-UBND

An Sơn, ngày 02 tháng 8 năm 2023

V/v: công bố công khai số liệu
Quyết toán ngân sách xã năm 2022
được HĐND xã phê chuẩn

Kính gửi:

- Đảng ủy xã;
- Các hội, đoàn thể xã;
- Trưởng các thôn trên địa bàn xã.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND, tại kỳ họp thứ 5, ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã An Sơn khóa XXII về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã An Sơn thực hiện công khai báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách chi ngân sách xã năm 2022 được HĐND xã khóa XXII phê chuẩn tại kỳ họp thứ năm ngày 21/7/2023 trên Cổng thông tin điện tử của xã:

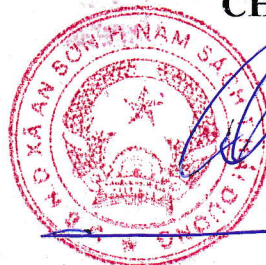
anson.namsach.haiduong.gov.vn.

Đề nghị Đảng ủy xã; các hội, đoàn thể xã; trưởng các thôn trên địa bàn xã tra cứu số liệu tại Cổng thông tin điện tử của xã nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC NGỌC

Số: *343* /QĐ-UBND

An Sơn, ngày 02 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND, tại kỳ họp thứ 5, ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân xã An Sơn khóa XXII về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2022.

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã An Sơn (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời gian công khai là 30 ngày kể từ ngày 02/8/2023.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Cán bộ Tài chính- Kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐỨC NGỌC

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Quyết toán	Nội dung	Quyết toán
Tổng số thu	17.310.672,7	Tổng số chi	17.310.672,7
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	249.168,5	I. Chi đầu tư phát triển	11.431.960,0
		1. Chi Xây dựng cơ bản	11.120.125,0
		2. Chi đầu tư phát triển khác	311.835,0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	587.513,9	II. Chi thường xuyên	5.194.349,0
III. Thu bổ sung	14.817.866,0	III. Chi chuyển nguồn của NSX sang năm sau (nếu có)	684.363,7
- Bổ sung cân đối	2.760.610,0		
- Bổ sung có mục tiêu	12.057.256,0		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	-	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của NSX (nếu có)	1.656.124,3		
		Kết dư ngân sách	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Đình Lưu

An Sơn, ngày 02 tháng 8 năm 2023

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC NGỌC

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 343 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị: 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	5.367.970,0	4.559.570,0	17.387.568,3	17.310.672,7	323,9	379,7
I	Các khoản thu 100%	100.000,0	100.000,0	249.168,5	249.168,5	249,2	249,2
1	Phí, lệ phí	12.000,0	12.000,0	19.746,0	19.746,0	164,6	164,6
2	Thu từ quỹ đất công ích và HL công sản khác	70.000,0	70.000,0	127.620,6	127.620,6	182,3	182,3
	<i>Trong đó: Thu hỗ trợ khi NN thu hồi đất</i>						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			33.000,0	33.000,0		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp chùa nhân dân theo quy định			13.800,0	13.800,0		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	18.000,0	18.000,0	55.001,9	55.001,9	305,6	305,6
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	1.088.500,0	280.100,0	2.111.064,8	587.513,9	193,9	209,8
1	Các khoản thu phân chia	46.500,0	46.500,0	41.291,6	41.291,6	88,8	88,8
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000,0	5.000,0	11.217,1	11.217,1	224,3	224,3
	Thuế sử dụng đất NN thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.500,0	6.500,0	5.900,0	5.900,0	90,8	90,8
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.000,0	35.000,0	24.174,6	24.174,6	69,1	69,1



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.042.000,0	233.600,0	2.069.773,2	546.222,3	198,6	233,8
	Thuế thu nhập cá nhân	14.000,0	11.200,0	21.776,3	17.421,0	155,5	155,5
	Thuế giá trị gia tăng	28.000,0	22.400,0	55.609,3	44.498,6	198,6	198,7
	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000,0	200.000,0	1.992.387,6	484.302,7	199,2	242,2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	0,0	0,0	3.024.616,0	1.656.124,3		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	0,0	0,0	19.330,0	0,0		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.179.470,0	4.179.470,0	11.983.389,0	14.817.866,0	286,7	354,5
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.692.400,0	2.692.400,0	3.816.481,0	2.760.610,0	141,8	102,5
	Thu bổ sung có mục tiêu	1.487.070,0	1.487.070,0	8.166.908,0	12.057.256,0	549,2	810,8





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐTPT	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.573.900,0	200.000,0	4.373.900,0	17.310.672,7	11.431.960,0	5.878.712,7	378,5	5716,0	134,4
	Trong đó:									
1	Chi Giáo dục	14.910,0		14.910,0	14.910,0		14.910,0	100,0		100,0
2	Chi công tác DQTV và an ninh trật tự	502.030,0		502.030,0	516.780,0		516.780,0	102,9		102,9
3	Chi y tế	14.910,0		14.910,0	14.910,0		14.910,0	100,0		
4	Giao thông	24.600,0		24.600,0	8.524.600,0	8.500.000,0	24.600,0	34652,8		100,0
5	Chi văn hoá, thông tin	204.300,0	180.000,0	24.300,0	1.374.300,0	1.350.000,0	24.300,0	672,7		100,0
6	Chi phát thanh, truyền hình	53.390,0		53.390,0	53.390,0		53.390,0	100,0		100,0
7	Chi thể dục thể thao	24.300,0		24.300,0	24.300,0		24.300,0	100,0		100,0
8	Chi bảo vệ môi trường	24.220,0		24.220,0	655.903,0	519.705,0	136.198,0	2708,1		562,3
9	Chi các hoạt động kinh tế	22.800,0		22.800,0	22.800,0		22.800,0	100,0		100,0
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.508.350,0	20.000,0	3.488.350,0	4.888.642,0	1.062.255,0	3.826.387,0	139,3	5311,3	109,7
11	Chi công tác xã hội	176.090,0		176.090,0	531.774,0		531.774,0	302,0		302,0
12	Chi khác	4.000,0		4.000,0	4.000,0		4.000,0	100,0		100,0
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-		-	684.363,7		684.363,7			
	Kết dư ngân sách	-			-	-	-			

QUYẾT TOÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 343/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 8 năm 2023 của UBND xã)

(11.088,448)

Đơn vị: Triệu đồng

(11.088,448) Đơn vị: Triệu đồng										
ST T	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành		Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
				Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
	TỔNG SỐ			18.485,130	-	15.765,261	3.450,420	-	11.431,960	-
A	Công trình chuyển tiếp			2.101,662	-	1.675,321	1.350,000	-	1.350,000	
I	Đường giao thông			-	-	-	-	-	-	
II	Trường học			-	-	-	-	-	-	
III	Trụ sở, hội trường			-	-	-	-	-	-	
IV	Nghĩa trang					-	-	-	-	
V	Trạm Y tế				-	-	-	-	-	
VI	Sân vận động			-		-	-	-	-	
VII	Nhà văn hoá			2.101,662		1.675,321	1.350,000		1.350,000	
1	Nhà văn hoá Thôn Cối Hưng Sơn	12/2021	4/2022	2.101,662		1.675,321	1.350,000		1.350,000	
VIII	Công trình khác			-	-	-	-	-	-	
B	Công trình khởi công mới			16.383,468	-	14.089,940	2.100,420	-	10.081,960	
I	Đường giao thông			14.038,900	-	11.883,698	1.350,000	-	8.500,000	
1	Cải tạo, mở rộng tuyến đường trục chính xã An sơn (Đoạn từ trường THCS đến trạm biến áp thôn An Giới)	2/2022	8/2022	14.038,900		11.883,698	1.350,000		8.500,000	
II	Trường học			-	-	-	-	-	-	

ST T	NỘI DUNG	Thời gian khởi công - hoàn thành		Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
				Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	nguồn đóng góp
III	Trụ sở, hội trường			1.073,524	-	1.058,493	750,420	-	750,420	
1	Cải tạo, sửa chữa phòng họp gác 2 UBND xã An Sơn	5/2022	6/2022	280,464		265,584	250,420		250,420	
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc 2T Trụ sở UBND xã An Sơn	9/2022	12/2022	793,060		792,909	500,000		500,000	
IV	Nghĩa trang			-		-	-	-	-	
V	Trạm Y tế				-	-	-	-	-	
VI	Sân vận động			-		-	-		-	
VII	Nhà văn hoá									
VIII	Công trình khác			1.271,044	-	1.147,749	-	-	831,540	
1	Bể ủ rác hữu cơ và bãi tập kết rác vô cơ tập trung	4/2022	5/2022	851,045		808,741			519,705	
2	Quy hoạch chung XD xã An Sơn đến năm 2030	6/2022	12/2022	419,999		339,008			311,84	



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 343/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của UBND xã)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
		Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
	TỔNG SỐ						
	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách				548.765,5	457.923,2	90.842,2
I	Các khoản Thu hộ				254.872,0	169.812,9	85.059,1
1	Quỹ PCTT				39.435,0	31.393,2	8.041,8
2	Quỹ khấu hao TS HTX DVNN				407,1		407,1
3	Thuế đất Phi NN				14.736,5	11.190,3	3.546,1
4	Lệ phí đấu thầu, tiền bảo đảm dự thầu				13.626,4	13.626,4	0,0
5	Tiền vốn vay giảm nghèo bền vững				186.667,0	113.603,0	73.064,0
II	Các khoản chi hộ				219.264,6	217.909,8	1.354,8
1	Bồi thường GPMB				0,0	0,0	0,0
2	KP mừng thọ, chúc thọ				39.000,0	39.000,0	0,0
3	Kinh phí công đoàn				0,0	0,0	0,0
4	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo				54.735,2	51.909,8	2.825,4
5	Tiền ủy nhiệm thu thuế phi NN+ Quỹ PCTT				3.129,4	0,0	3.129,4
6	Hỗ trợ hộ nghèo, hộ CSXH bị ảnh hưởng do dịch Covid 19				0,0	0,0	0,0
7	Trông coi đàn trạm phát sóng				122.400,0	127.000,0	-4.600,0
7	Tiền bàn giao hệ thống lưới điện hạ áp cho ngành điện QL						0,0
II	Các Quỹ công chuyên dùng				74.628,9	70.200,5	4.428,4
1	Quỹ tang lễ người qua đời				42.913,9	32.690,0	10.223,9
1	Quỹ ký thầu chuyển đổi				0,0	0,0	0,0
	Quỹ xã hội					3.410,5	-3.410,5
	Quỹ đền ơn đáp nghĩa				31.715,0	20.300,0	11.415,0
2	Quỹ PC dịch Covid 19					13.800,0	-13.800,0